

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/HSST
Ngày: 15/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt.
2. Bà Trần Thị Thuý Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoá- Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 146/2021/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 168/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Q định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 27/7/1987 tại Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 8, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1959); bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không. Tiền án: 02 lần.

- Ngày 22/6/2005, bị Tòa án nhân dân tối cao tại TP.Đà Nẵng xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp tài sản*” (theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình năm 1999), tại Bản án số 423/HSPT; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 23/8/2010, chấp hành xong hình phạt tù (bản án chưa được xóa án tích).

- Ngày 12/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện CS, tỉnh Gia Lai xử phạt 11 năm

tù về tội: “*Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy*” (theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 21/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 21/9/2020, chấp hành xong hình phạt tù. (Bản án này chưa được xóa án tích).

Ngày 04/4/2021 bị khởi tố. Hiện đang bị tạm giam ở vụ án khác, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Chị Nghiêm Thị L, sinh năm 1977. Nơi cư trú: 703 PVD, tổ 1, phường ĐĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn TT, sinh năm 1982. Nơi cư trú: 567 LĐH, tổ 3, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q là người đã bị kết án về các tội: “*Cướp Tस्क*”, “*Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy*” và chưa được xóa án tích. Lúc 06 giờ 38 phút ngày 03/02/2021, Q đi vào quán cà phê ML ở số 703 đường PVD, Tổ 01, phường ĐĐ, TP.P, do bà Nghiêm Thị L làm chủ, để uống cà phê. Lúc này trong quán không có khách, bà L đang làm việc ở phòng bếp, trên quầy tính tiền bà L có để máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy (đang sạc pin). Thấy không có người, Q lén lút đi đến quầy tính tiền rút dây sạc, lấy chiếc máy tính bảng của bà L giấu vào trong quần phía trước bụng, rồi đi ra khỏi quán. Sau đó, Q mang máy tính bảng vừa chiếm đoạt được của bà L đến cửa hàng điện thoại TT bán cho ông Nguyễn TT (là chủ cửa hàng) được 650.000 đồng. Tiền bán máy tính bảng mà có, Q đã tiêu xài hết 150.000 đồng, còn lại 500.000 đồng cất giữ trong người. Đối với bà L, sau khi phát hiện bị mất máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy, thì đến Công an phường ĐĐ, TP.P trình báo. Đến 21 giờ ngày 03/02/2021, biết không thể che giấu hành vi của bản thân, nên Q đến Công an phường ĐĐ đầu thú, khai nhận về hành vi lén lút chiếm đoạt máy tính bảng tại quán cà phê ML và giao nộp số tiền 500.000 đồng. Trên cơ sở lời khai của Q, Công an phường ĐĐ làm việc với ông T, thì ông T giao nộp cho cơ quan Công an chiếc máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy đã mua của Q. Vụ việc sau đó được Công an phường ĐĐ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Lúc 06 giờ 38 phút ngày 03/02/2021, tại quán cà phê ML ở số 703 đường PVD, Tổ 01, phường ĐĐ, TP.P, Q đã lén lút chiếm đoạt

của bà Nghiêm Thị L 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy, sau đó đến cửa hàng điện thoại TT bán cho ông Nguyễn TT (là chủ cửa hàng) được 650.000 đồng, Q đã tiêu xài hết 150.000 đồng. Đến 21 giờ cùng ngày, Q ra đầu thú và giao nộp 500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, là số tiền còn lại sau khi Q bán máy tính bảng chiếm đoạt của bà L. Máy tính bảng Q chiếm đoạt, sau đó đã được thu hồi, trả lại cho bà L. Q có đến trả lại tiền mua máy tính cho ông Nguyễn Tấn T nhưng ông T không nhận.

Tại Cáo trạng số 152/CTr-VKS ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố “*Trộm cắp tài sản*”, theo Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 173; Điều 38 và Điều 50; các Điểm h và s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Qua trung cầu giám định, tại Bản kết luận định giá Tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2021 của Hội đồng định giá Tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: Qua định giá, xác định máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy của bà Nghiêm Thị L bị Nguyễn Văn Q chiếm đoạt vào ngày 03/02/2021 có trị giá 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2021 của Hội đồng định giá Tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P.

Ý kiến của người tham gia tố tụng:

- Người bị hại: Nghiêm Thị L (lời khai tại hồ sơ): bà bị mất trộm máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy vào sáng ngày 08/02/2021. Hiện bà đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn T (lời khai tại hồ sơ): anh có mua máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy do bị cáo bán giá 650.000 đồng, khi mua anh không biết là tài sản trộm cắp. Hiện anh đã trả lại máy tính bảng cho Cơ quan Công an xử lý và anh không có yêu cầu bồi thường gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, hứa sẽ không tái phạm, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các Tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các Tliệu, chứng cứ, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Q lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại đã lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị là 1.000.000 đồng; Bản án số 423/HSPT ngày 22/6/2005 của Tòa án nhân dân tối cao tại TP.Đà Nẵng xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp Tẩn” (theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình năm 1999), chưa được xóa án tích, Do vậy, hành vi của bị cáo Q thuộc trường hợp đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tẩn và quyền sở hữu hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đến tài sản của người khác đều phải bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật để không chỉ răn đe mà còn phòng ngừa chung đối với tội phạm.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo thì thấy rằng: Bản thân bị cáo có sức khỏe, đã bị kết án về các tội phạm do cố ý, chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học để tu sửa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật,. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự đời sống dân cư và an toàn xã hội; phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[5] Tình tiết nặng: Bị cáo phạm tội trong khi Bản án số 21/HSST ngày 12/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện CS, tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo 11 năm tù về tội: “*Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy*” (theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009) chưa được xóa án tích thuộc trường hợp “*Tái phạm*” .

Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đầu thú, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn là những tình tiết giảm nhẹ và các quy định tại các Điểm h và s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự 2015 cần được áp dụng để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Bị cáo không có tài sản và thu nhập, không phạt bổ sung.

[7] Về dân sự: Người bị hại và người L quan không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

Số tiền bán tài sản chiếm đoạt là 650.000 đồng, bị cáo đã nộp lại 500.000 đồng, còn 150.000 đồng cần buộc bị cáo nộp để sung ngân sách nhà nước

[8] Xử lý vật chứng: 500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là tài sản do phạm tội, cần tịch thu sung công;

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điểm h và s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015;

- Căn cứ các Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

3/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

4/ Các vấn đề khác:

- Buộc bị cáo phải nộp 150.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước;

- *Về xử lý vật chứng:* Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 500.000 đồng Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

- *Về án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7,7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND thị trấn PT, Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Hương